

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu phát triển đoàn viên năm 2017

ĐOÀN CHỦ TỊCH TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội XI Công đoàn Việt Nam;
- Căn cứ Chương trình phát triển đoàn viên giai đoạn 2013 - 2018 và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn khóa XI;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao chỉ tiêu phát triển đoàn viên năm 2017 cho các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn, như sau:

- 63 LĐLĐ tỉnh, thành phố phát triển tăng thêm 415.375 đoàn viên;
- 20 công đoàn ngành trung ương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn phát triển mới 35.892 đoàn viên.

(có danh sách giao chỉ tiêu cụ thể kèm theo)

Điều 2. Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển đoàn viên giai đoạn 2013- 2018 của Tổng Liên đoàn nghiên cứu, đề xuất giải pháp chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, đơn vị tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác phát triển đoàn viên, xây dựng CĐCS vững mạnh, để phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XI Công đoàn Việt Nam.

Điều 3. Ban Thường vụ liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; công đoàn ngành trung ương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn có trách nhiệm triển khai tổ chức thực hiện Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Các UV ĐCT TLĐ;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, Ban Tổ chức TLĐ.

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Lý

DANH SÁCH GIAO CHỈ TIÊU THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐOÀN VIÊN - NĂM 2017

TT	LĐLĐ tỉnh, TP	Nhiệm kỳ 2013 - 2018			Chỉ tiêu TLĐ giao năm 2017	
		Chỉ tiêu giao	Kết quả		CT còn lại nh.kỳ	PTĐV tăng thêm
			S.lượng	tỷ lệ %		
0	1	2	3	4	5	6
1	TP Hồ Chí Minh	500000	267590	53.5	232410	80000
2	Bình Dương	116000	156336	134.8		30000
3	Hà Nội	128000	115866	90.5	12134	30000
4	Đồng Nai	194000	185129	95.4	8871	22000
5	Bắc Ninh	46000	73315	159.4		15000
6	Hải Dương	64000	51016	79.7	12984	13000
7	Thái Nguyên	20000	62569	312.8		22000
8	Nam Định	30000	21057	70.2	8943	9000
9	Thái Bình	17300	32102	185.6		3000
10	Thanh Hoá	29500	46151	156.4		8000
11	Hải Phòng	45000	42583	94.6	2417	11000
12	Hưng Yên	27500	46396	168.7		6000
13	Long An	50000	57619	115.2		12000
14	Quảng Nam	37000	35684	96.4	1316	6000
15	Tây Ninh	20000	58241	291.2		8000
16	An Giang	18000	9804	54.5	8196	6500
17	Bà Rịa - V. Tàu	37000	24017	64.9	12983	7500
18	Cần Thơ	55000	25470	46.3	29530	4000
19	Hà Nam	21000	22347	106.4		5000
20	Tiền Giang	15000	16056	107.0		2500
21	Trà Vinh	15000	14479	96.5	521	1500
22	Vĩnh Phúc	31000	26960	87.0	4040	6000
23	Bắc Giang	30000	36777	122.6		10000
24	Bến Tre	18500	17844	96.5	656	6000
25	Bình Phước	21850	32921	150.7		5500
26	Đà Nẵng	30000	23004	76.7	6996	7000
27	Đồng Tháp	20000	10077	50.4	9923	5000
28	Hà Tĩnh	24000	11090	46.2	12910	4000
29	Hậu Giang	15000	12188	81.3	2812	3000
30	Khánh Hoà	52000	15265	29.4	36735	8000
31	Nghệ An	15000	16667	111.1		2000
32	Ninh Bình	16000	18939	118.4		3000
33	Phú Thọ	15000	18475	123.2		3000

TT	LĐLĐ tỉnh, TP	Nhiệm kỳ 2013 - 2018			Chỉ tiêu TLĐ giao năm 2017	
		Chỉ tiêu giao	Kết quả		CT còn lại nh.kỳ	PTĐV tăng thêm
			S.lượng	tỷ lệ %		
0	1	2	3	4	5	6
34	Phú Yên	18000	309	1.7	17691	3700
35	Thừa Thiên - Huế	32000	8131	25.4	23869	6000
36	Quảng Ninh	45300	5667	12.5	39633	3000
37	Bình Định	42000	6751	16.1	35249	3000
38	Bình Thuận	13000	14804	113.9		1500
39	Cà Mau	13000	7328	56.4	5672	1500
40	Đắk Lắk	19000	4563	24.0	14437	2500
41	Gia Lai	9000	8933	99.3	67	1700
42	Hoà Bình	7900	9654	122.2		1000
43	Kiên Giang	14000	3934	28.1	10066	2500
44	Lạng Sơn	8000	6059	75.7	1941	1000
45	Lâm Đồng	10500	7841	74.7	2659	2700
46	Quảng Ngãi	8300	14345	172.8		2925
47	Quảng Trị	14000	1449	10.4	12551	2100
48	Tuyên Quang	18000	3622	20.1	14378	2000
49	Cao Bằng	11000	-517	-4.7	11517	500
50	Vĩnh Long	15300	11577	75.7	3723	2500
51	Bạc Liêu	8000	2040	25.5	5960	1500
52	Bắc Kạn	3000	1156	38.5	1844	500
53	Đắk Nông	3000	3101	103.4		700
54	Điện Biên	2600	2153	82.8	447	500
55	Hà Giang	2000	3376	168.8		300
56	Kon Tum	4300	2077	48.3	2223	1000
57	Lai Châu	5000	1021	20.4	3979	250
58	Lào Cai	21000	4806	22.9	16194	1500
59	Ninh Thuận	10000	2922	29.2	7078	1000
60	Quảng Bình	3300	6061	183.7		1000
61	Sóc Trăng	15000	10479	69.9	4521	1000
62	Sơn La	6800	790	11.6	6010	300
63	Yên Bái	5600	1928	34.4	3672	1200
Tổng cộng:						415375

TLĐ giao 63 LĐLĐ tỉnh, TP với chỉ tiêu PTĐV tăng thêm là: 415.375 đoàn viên;

**DANH SÁCH GIAO CHỈ TIÊU THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐOÀN VIÊN - NĂM 2017**

TT	Cơ ngành TW, Cơ TCTy trực thuộc TLĐ	Nhiệm kỳ 2013 - 2018			Chỉ tiêu TLĐ giao năm 2017	
		Chỉ tiêu giao	Kết quả		CT còn lại nh.kỳ	PTĐV mới
			S.lượng	tỷ lệ %		
0	1	2	3	4	5	6
1	Dệt May	45000	60584	134.6		5000
2	Xây dựng	50000	33370	66.74	16630	6500
3	Cao Su	10000	15882	158.8		1500
4	Dầu khí	5000	13235	264.7		500
5	Điện lực	10300	10732	104.2		100
6	Ngân hàng	20000	17961	89.8	2039	1500
7	Than-Kh.sản	10000	4598	46.0	5402	6000
8	Thông tin,T.thông	4500	1400	31.1	3100	2100
9	Công An	5000	7634	152.7		1000
10	Công Thương	12000	8358	69.7	3642	3642
11	Giao thông	12500	10001	80.0	2499	2500
12	Giáo dục	5000	5235	104.7		250
13	N.nghiệpPTNT	5000	9793	195.9		500
14	Quốc phòng	5000	12475	249.5		1000
15	Y tế	7000	8480	121.1		1500
16	CN.tàu thủy	7000	2358	33.7	4642	300
17	Đường sắt	1000	3753	375.3		500
18	Hàng hải	500	1477	295.4		500
19	Hàng không	2000	1521	76.05	479	500
20	Viên chức	6000	5139	85.65	861	500
Tổng cộng:						35892

TLĐ giao chỉ tiêu cho 20 Cơ ngành trung ương, Cơ TCTy trực thuộc TLĐ
phát triển mới 35.892 đoàn viên.

